TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 520/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 12 – 2024
V/v "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Duyên Văn Hiền

2. Ông Lê Thanh Hiện

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Dương Thị Thêu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 607/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 478/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị D, sinh năm: 1986 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S.L.A, xã K.B.T.B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Đ, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K.M, xã K.H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/10/2024, chị Huỳnh Thị D trình bày quan điểm và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Đ chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cũng có hạnh phúc, về sau luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả, không thể hòa hợp được với

nhau. Gia đình chồng luôn khắc khe, kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập, đuổi chi ra khỏi nhà. Trên thực tế chị và anh Đ không còn chung sống như vợ chồng hơn một năm qua.

Từ nội dung trên, chị nhận thấy tình cảm của chị và anh Đ không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống và duy trì mối quan hệ vợ, chồng được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được chấm dứt quan hệ vợ, chồng với anh Phạm Văn Đ.

- Về con chung: Chị D xác định giữa chị và anh Đ có 01 người con chung là Phạm Bảo Ch, sinh năm 2010, hiện đang sống chung với anh Đ. Do vậy, khi ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị D xác định giữa chị và anh Phạm Văn Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D khai nhận giữa chị và anh Đ không có nợ chung và không ai nợ lại chị và anh Đ.

* Đối với anh Phạm Văn Đ vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Về loại việc và thẩm quyền của Toà án: Tranh chấp giữa chị Huỳnh Thị D và anh Phạm Văn Đ là "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh Phạm Văn Đ: Mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tham gia phiên toà để xét xử vụ án, thông qua thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng anh Đ vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên toà để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo luật định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của chị Huỳnh Thị D, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, chị Huỳnh Thị D và anh Phạm Văn Đ có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 2009 đến 2023. Theo chị D trình bày, giữa chị và anh Đ không đăng ký kết hôn, đồng thời xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thì chị D và anh Đ không có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị D và anh Đ đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay chị D có yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống, chị D và anh Đ luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và thường xuyên cải vã, gây bất hòa với nhau mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó,

chị D xác định tình cảm vợ, chồng giữa chị và anh Đ không còn nên chị và anh Đ đã tự ly thân hơn một năm qua.

Theo tinh thần tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ, chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con ... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của chị D và anh Đ đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Phạm Bảo Ch, sinh ngày 14/5/2010, hiện đang sống chung với anh Đ, khi ly hôn, chị D đồng ý giao cháu Ch cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ch là phù hợp với điều kiện thực tế về sinh hoạt, học tập, tinh thần và nguyện vọng của cháu Ch nên chấp nhận sự tự nguyện này là có căn cứ. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh Đ không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị D xác định giữa chị và anh Đ không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị D khai nhận giữa chị và anh Đ không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị D là nguyên đơn nên chị phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị D và anh Đ được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị D và anh Phạm Văn Đ.

2 - Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Bảo Ch, sinh ngày 14/5/2010 cho anh Phạm Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Huỳnh Thị D không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Không có.

4 - Về nợ chung: Không có.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Huỳnh Thị D phải chịu 300.000đ, ngày 09 tháng 10 năm 2024, chị D đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số: 5675 được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị D và anh Phạm Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Minh Hải